



Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

**Một số vấn đề lớn của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường dự kiến trình Quốc hội**
*(Báo cáo phục vụ Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách
lần thứ Nhất, nhiệm kỳ khóa XVI ngày 28/9/2026)*

Thực hiện Kế hoạch số 254/KH-UBTVQH16 ngày 18/9/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổ chức Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách lần thứ Nhất, nhiệm kỳ khóa XVI, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xin cáo một số vấn đề lớn của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường:

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ PHÁP LÝ

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thể chế hóa các quan điểm, chủ trương lớn của Đảng về bảo vệ môi trường (BVMT), nhất là Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương, Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị. Hiện nay, đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, Trung ương và Bộ Chính trị đã ban hành nhiều nghị quyết chiến lược, đặt ra yêu cầu tiếp tục đổi mới tư duy và hoàn thiện pháp luật về BVMT theo hướng gắn BVMT với thúc đẩy chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp; bảo đảm hệ thống pháp luật minh bạch, đồng bộ, hiện đại, thuận lợi cho đầu tư, sản xuất, kinh doanh, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Đại hội XIV của Đảng khẳng định BVMT vừa là mục tiêu, vừa là điều kiện của phát triển bền vững, nhấn mạnh gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với BVMT; kiểm soát nguồn gây ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường sống, thúc đẩy chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp và lồng ghép mục tiêu môi trường trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển.

Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV yêu cầu chuyển từ tư duy “đổi phó thụ động” sang “ứng phó chủ động”, từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu và mức độ rủi ro; tăng cường kiểm soát ô nhiễm theo vùng/khu vực và tổng thải lượng; đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn, các-bon thấp và tăng cường nguồn lực cho BVMT.

Năm 2025, Quốc hội khóa XV đã tiến hành giám sát tối cao việc thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT kể từ khi Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực thi hành và đã ban hành Nghị quyết số 247/2025/QH15 trong đó yêu cầu cần tổng kết, đánh giá toàn diện việc thi hành Luật BVMT năm 2020 và đề xuất sửa đổi, bổ sung phù hợp thực tiễn.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Tiếp tục thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng về BVMT, yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới, nhất là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 75-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV. Sửa đổi, bổ sung Luật theo hướng gắn kết chặt chẽ, hài hòa phát triển kinh tế - xã hội với BVMT, thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, cải cách thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát chặt chẽ các nguy cơ ô nhiễm.

2. Kế thừa, phát huy những chính sách, quy định tiến bộ của Luật BVMT hiện hành như: phân loại dự án đầu tư theo tiêu chí môi trường, quản lý chất thải theo hướng thúc đẩy tái chế, tái sử dụng, phát triển kinh tế tuần hoàn; bảo vệ chất lượng môi trường nước, không khí trên cơ sở quản lý tổng hợp thông qua xây dựng kế hoạch quản lý cấp quốc gia, cấp tỉnh; các nội dung sửa đổi được thực hiện theo hướng luật quy định khung, nguyên tắc, các nội dung cụ thể, kỹ thuật sẽ được quy định tại các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

3. Tập trung sửa đổi, bổ sung các quy định trên cơ sở tổng kết, đánh giá toàn diện việc thi hành Luật BVMT, kế thừa kết quả giám sát tối cao của Quốc hội năm 2025 về việc thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT; khắc phục những hạn chế, bất cập, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về BVMT.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Cơ quan soạn thảo đã nghiêm túc tiến hành tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật BVMT năm 2020, xác định những vướng mắc, bất cập, những vấn đề cần sửa đổi; rà soát, thể chế hóa kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, điều ước quốc tế có liên quan; tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, địa phương, tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học đối với dự án Luật; phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội trong quá trình tổ chức lấy ý kiến, tiếp thu, hoàn thiện dự án Luật.

Trên cơ sở hồ sơ dự án Luật do Chính phủ trình Quốc hội tại Tờ trình số 701/TTr-CP ngày 17/9/2026, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã tổ chức thẩm tra sơ bộ và có Báo cáo số 793/BC-UBKHCMNT16 ngày 20/9/2026; Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã họp, cho ý kiến, ban hành Kết luận số 271/KL-UBTVQH16 ngày 26/9/2026.

IV. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ THẢO LUẬT

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung 78/171 điều, trong đó bổ sung 02 điều mới (Điều 72a và Điều 139a), tập trung vào 05 nhóm nội dung chính như sau:

1. Thể chế hóa quan điểm của Đảng, Nhà nước về đơn giản hóa TTHC, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, chuyển mạnh phương thức quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm, tạo dư địa để doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh, tăng trưởng xanh, bền vững

Dự thảo Luật đã cắt giảm, đơn giản hóa mạnh các TTHC về môi trường, phân quyền tối đa cho địa phương theo nguyên tắc “Địa phương quyết; địa phương làm; địa phương chịu trách nhiệm” trên cơ sở kế thừa, có cập nhật, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền¹. Xác lập rõ vai trò của các công cụ đánh giá tác động môi trường (ĐTM), giấy phép môi trường (GPMT) để thực hiện cắt giảm đối tượng, đơn giản hóa quy trình, hồ sơ song vẫn bảo đảm vai trò, hiệu quả trong kiểm soát ô nhiễm; chuyển mạnh nhiều đối tượng phải thực hiện ĐTM và GPMT sang đăng ký môi trường (không phải là TTHC) để giảm tiền kiểm; bổ sung quy định về giám sát nguy cơ ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường dựa trên dữ liệu số, công nghệ số, ứng dụng KH&CN để tăng cường hậu kiểm. Tạo lập cơ sở pháp lý để thực hiện “cơ chế thử nghiệm có kiểm soát”, qua đó thúc đẩy phát triển các công nghệ, mô hình mới về BVMT.

Tuy nhiên, dự thảo Luật cũng bổ sung quy định về điều kiện năng lực đối với đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn môi trường (tư vấn lập báo cáo ĐTM, hồ sơ đề nghị cấp GPMT) để chuẩn hóa, nâng cao chất lượng, giúp chủ dự án đầu tư, cơ sở khi thực hiện trách nhiệm về BVMT.

2. Đẩy mạnh chuyển đổi số; đổi mới tư duy, chuyển đổi phương thức quản lý từ quản lý hành chính sang quản trị môi trường dựa trên dữ liệu và mức độ rủi ro về môi trường

Dự thảo Luật đã quy định riêng một điều về chuyển đổi số để thể chế hóa các quan điểm của Đảng về chuyển đổi số, tạo lập cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện quản lý môi trường dựa trên dữ liệu, thực hiện giải quyết các TTHC, dịch vụ công về môi trường phải được thực hiện tối đa trên nền tảng số, cung cấp dịch công trực tuyến, sử dụng các dữ liệu điện tử về môi trường. Đẩy mạnh vai trò của công nghệ số, dữ liệu số về môi trường, đặc biệt trong hoạt động thanh tra, kiểm tra và giám sát về môi trường; cảnh báo, dự báo chất lượng môi trường. Dự thảo Luật đã quy định trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc tạo lập hồ sơ điện tử về môi trường của doanh nghiệp.

Dự thảo Luật sửa đổi quy định về tiêu chí môi trường để phân loại dự án đầu tư theo hướng đơn giản hóa, dễ áp dụng, dễ thực hiện nhưng vẫn bảo đảm sàng lọc, phân loại dự án dựa trên mức độ rủi ro về môi trường để áp dụng các công cụ quản lý môi trường phù hợp. Dự án đầu tư được phân loại theo 03 nhóm (thay vì 04 nhóm như hiện nay), trong đó: Nhóm I là các dự án tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao, phải được thực hiện ĐTM hoặc cấp GPMT ở cấp Bộ; Nhóm II là các dự án tác động xấu đến môi trường, phải thực hiện ĐTM hoặc cấp GPMT ở cấp tỉnh; Nhóm III là các dự án ít có tác động xấu đến môi trường, chỉ phải thực hiện đăng ký môi trường ở địa phương. Các công cụ quản lý môi trường như: quan trắc môi trường định kỳ; quan trắc môi trường tự động, liên tục; thanh tra, kiểm tra; giám sát nguy cơ ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường... cũng được quy định áp dụng phù hợp theo việc phân loại dự án đầu tư theo mức độ rủi ro về môi trường.

¹ Bãi bỏ 09 TTHC, đơn giản hóa hồ sơ, giảm 52,5% thời gian và 52,3% chi phí tuân thủ; tiếp tục cắt giảm 05 TTHC, sửa đổi, bổ sung 03 TTHC; 02 TTHC sẽ tiếp tục được cắt giảm tại Nghị định.

3. Thúc đẩy tái chế, tái sử dụng chất thải, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và chính sách mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất (EPR)

Sửa đổi, bổ sung nhiều quy định về quản lý chất thải để tăng cường việc tái chế, tái sử dụng, đáp ứng yêu cầu kinh tế tuần hoàn. Đối với chất thải rắn sinh hoạt, dự thảo Luật bổ sung rõ nguyên tắc phân loại phục vụ mục đích tái chế, tái sử dụng, khắc phục tình trạng thiếu đồng bộ trong hạ tầng phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải; giao UBND cấp tỉnh quyết định lộ trình thực hiện phù hợp với điều kiện của địa phương. Sửa đổi các quy định về lựa chọn nhà đầu tư, lựa chọn cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải để đồng bộ với pháp luật về đầu tư, đấu thầu, tháo gỡ một số vướng mắc tại địa phương. Đối với chất thải công nghiệp, nguy hại, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định nhằm thúc đẩy sử dụng chất thải làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thay thế thông qua phân nhóm chất thải để quản lý phù hợp theo tính chất; quy định quản lý, sử dụng vật liệu được sản xuất từ chất thải sau xử lý, tái chế, tái sử dụng; bổ sung cơ chế ưu đãi, khuyến khích sử dụng vật liệu tái chế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn; khuyến khích tuần hoàn, tái sử dụng khí thải làm nguyên liệu, nhiên liệu cho quá trình sản xuất khác.

Đối với trách nhiệm tái chế, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu, dự thảo Luật điều chỉnh theo hướng bảo đảm trách nhiệm thu gom, tái chế thực chất, không quy định hình thức đóng góp tài chính vào Quỹ BVMT Việt Nam, giao Chính phủ quy định hình thức khác để bảo đảm trách nhiệm thu gom, tái chế thực chất của nhà sản xuất, nhập khẩu.

4. Tăng cường công tác quan trắc môi trường, quản lý chất lượng môi trường

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung các quy định về quan trắc môi trường, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; trong đó bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ánh sáng, bức xạ trong hệ thống quy chuẩn chất lượng môi trường xung quanh. Quy định cụ thể yêu cầu đối với hoạt động quan trắc môi trường và khuyến khích áp dụng công nghệ mới trong quan trắc, giám sát xả thải; quy định yêu cầu hoạt động quan trắc môi trường phải bảo đảm tính khách quan và đại diện, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, khả năng truy xuất nguồn gốc dữ liệu; thiết bị quan trắc phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định, hiệu chuẩn; trách nhiệm của các cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bảo đảm tính chính xác, toàn vẹn, đầy đủ của kết quả quan trắc môi trường; bổ sung quy định nghiêm cấm can thiệp, làm sai lệch kết quả quan trắc nhằm khắc phục tình trạng vi phạm xảy ra trong thời gian vừa qua.

Dự thảo Luật sửa đổi quy định áp dụng kết quả đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt theo hướng cụ thể hơn đối với các trường hợp tiếp nhận dự án đầu tư khi môi trường nước mặt không còn sức chịu tải; giao Chính phủ quy định chi tiết việc cho phép xả nước thải trực tiếp vào môi trường nước mặt nếu môi trường nước mặt vẫn còn khả năng chịu tải để thúc đẩy các dự án đầu tư, phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Bổ sung nội dung về dự báo ô nhiễm môi trường không khí, quy định rõ yêu cầu về kiểm kê khí thải; quy định về nguyên tắc thiết lập và quản lý vùng phát thải thấp và giao Chính phủ quy định chi tiết. Sửa đổi quy định theo hướng phân định rõ phạm vi điều tra, đánh giá chất lượng đất phục vụ quản lý nhà nước về đất đai theo Luật Đất đai với việc điều tra, đánh giá các khu vực có dấu hiệu ô nhiễm theo pháp luật về BVMT, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ.

5. Hoàn thiện quy định ứng phó với biến đổi khí hậu

Dự thảo Luật sửa đổi một số quy định về thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí xác định dự án ưu tiên, nội dung đánh giá rủi ro khí hậu, đánh giá tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện. Sửa đổi quy định về giảm phát thải khí nhà kính, trong đó quy định chuyển từ “giảm nhẹ” sang “quản lý” phát thải khí nhà kính bảo đảm bao quát từ kiểm kê, giảm phát thải đến vận hành thị trường các-bon; rút ngắn chu kỳ kiểm kê từ hai năm xuống hằng năm, thực hiện trực tuyến; quy định việc phân bổ hạn ngạch phát thải, bổ sung trách nhiệm thực hiện mục tiêu theo Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của các Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Bổ sung nguyên tắc hoạt động của thị trường các-bon trong nước, đối tượng tham gia giao dịch, cơ chế hỗ trợ giao dịch, quản lý tín chỉ các-bon, sản giao dịch các-bon và trách nhiệm quản lý nhà nước; quy định thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý đối với các chất được kiểm soát đã qua sử dụng; khuyến khích chuyển đổi công nghệ thân thiện khí hậu, sử dụng các chất thay thế có tiềm năng làm nóng lên toàn cầu thấp và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng. Điều chỉnh quy định về trách nhiệm trong thực hiện cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH LUẬT

Việc thi hành Luật được thực hiện trên cơ sở tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện có từ Trung ương đến địa phương; không phát sinh tổ chức mới. Nguồn kinh phí được bảo đảm từ ngân sách nhà nước, kết hợp huy động các nguồn lực hợp pháp trong và ngoài nước, tăng cường xã hội hóa và hợp tác công tư. Để bảo đảm thi hành Luật đồng bộ và hiệu quả, Chính phủ, Bộ NN&MT, các Bộ, ngành, địa phương theo trách nhiệm được giao sẽ ban hành đầy đủ văn bản quy định chi tiết, kế hoạch triển khai, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện.

Cơ quan soạn thảo xin lắng nghe, tiếp thu ý kiến của các vị Đại biểu quốc hội, tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Luật để trình Chính phủ trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI (tháng 10/2026).

Bộ Nông nghiệp và Môi trường kính báo cáo Hội nghị và các đại biểu Quốc hội xem xét, cho ý kiến để hoàn thiện dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG